

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm
cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định tại Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí và xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, nêu: “... *khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các VBQPPL để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương,...*”.

- Tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, có nêu: “...*khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền...*”

- Tại khoản 2 Mục III Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, nêu: “*Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp,*

phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.”

- Tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH 15 ngày 16/6/2025 quy định:

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

d) “Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung văn bản do tỉnh ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật”.

- Tại điểm 1 khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”

- Tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định:

“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”

- Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng.

Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;

b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

- Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí và xã hội quy định:

“Điều 3. Mức trợ cấp hưu trí xã hội

“2. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội”.

2. Tình hình thực tiễn

- Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, HĐND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Nghị quyết và văn bản triển khai chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn từng tỉnh, cụ thể:

+ Đối với khu vực Gia Lai Đông: Thực hiện các Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 và 15/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Định. Theo đó, Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; quy định chính sách hỗ trợ thêm cho nhóm đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

+ Đối với khu vực Gia Lai Tây: Thực hiện theo công văn số 1641/UBND-KGVX ngày 04/7/2024 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 và Nghị định số 77/2024/NĐ-Cp ngày 01/7/2024 của Chính phủ. Theo đó, chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

- Tuy nhiên, sau khi sát nhập việc tồn tại song song hai quy định khác nhau trên cùng một địa bàn tỉnh là không phù hợp, gây khó khăn trong công tác quản lý, triển khai và có thể tạo ra sự so sánh, tâm tư trong nhân dân, cụ thể:

+ Tại khu vực Gia Lai Đông đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ngoài mức trợ giúp xã hội theo quy định của Nghị định được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng và tiếp tục được hưởng mức hỗ trợ nêu trên trong thời gian 36 tháng kể từ khi cơ quan có thẩm quyền công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội được hỗ trợ thêm tiền ăn các ngày lễ, tết trong năm. Trong khi đó đối tượng này tại địa bàn Gia Lai Tây chưa được hỗ trợ.

+ Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP quy định: *Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ ngày 01/7/2025.* Như vậy, từ ngày 01/7/2025 đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng chính sách theo Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND bị điều chỉnh đối tượng nên không còn được hưởng chính sách theo quy định. Vì vậy, cần phải bổ sung nhóm đối tượng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP chung trên địa bàn tỉnh.

- Do đó, để có cơ sở thực hiện chính sách đảm bảo thống nhất chung trên địa bàn tỉnh, quy định thêm nhóm đối tượng được hỗ trợ, việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh là cần thiết, có cơ sở pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bổ sung thêm nhóm đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh.

Áp dụng chính sách thống nhất trên toàn tỉnh Gia Lai nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc bổ sung mức trợ giúp xã hội hàng tháng đảm bảo phù hợp với đặc điểm khó khăn của từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội theo nguyên tắc ưu tiên cho nhóm khó khăn hơn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Mức trợ giúp xã hội tăng thêm phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025.

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các văn bản có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 522/UBND-KGVX ngày 17/7/2025 về việc tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ (Lần 2). Ngày 22/8/2025, Sở Y tế có Công văn số 1757/SYT-VP về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để đăng ký nội dung trình kỳ họp của HĐND tỉnh Gia Lai.

Trên cơ sở này, Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và các cơ quan có liên quan

xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, tổ chức lấy ý kiến tham gia và đồng thời, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia đóng góp ý kiến.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, tổng hợp hoàn thiện dự thảo và gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết để thẩm định theo quy định. Đến nay, nội dung dự thảo Nghị quyết đã hoàn chỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưu trí xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hỗ trợ tiền ăn các ngày Lễ, Tết trong năm cho đối tượng nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại cộng đồng và đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Bố cục của dự thảo văn bản

- Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Điều 3. Điều khoản thi hành

4. Nội dung cơ bản

a) Hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội tại cộng đồng

- Đối tượng: Bảo trợ xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưu trí xã hội quy định tại Điều 2 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí và xã hội, thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Mức hỗ trợ: Ngoài mức trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP, các đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng và tiếp tục được hưởng mức hỗ trợ nêu trên trong

thời gian 36 tháng kể từ khi cơ quan có thẩm quyền công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

b) Hỗ trợ thêm tiền ăn các ngày Lễ, Tết trong năm cho đối tượng nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội.

- Mức hỗ trợ: 90.000 đồng/người/ngày.

- Số ngày hỗ trợ: 11 ngày Lễ, Tết trong năm theo quy định cho các đối tượng có mặt thực tế tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội. Riêng trẻ em dưới 16 tuổi được hỗ trợ 13 ngày (thêm 01 ngày Tết trung thu và 01 ngày Quốc tế thiếu nhi)

c) Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Tổng đối tượng bảo trợ xã hội và trợ cấp hưu trí xã hội dự kiến từ tháng 7/2025 là 151.543 người trong đó đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội đề nghị hỗ trợ 34.788 người, kinh phí dự kiến một năm là 74,2 tỷ đồng/năm: kinh phí bố trí hàng năm theo Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khoảng 25,834 tỷ đồng/năm, kinh phí bố trí thêm khoảng 48,366 tỷ đồng cụ thể:

- Thực hiện hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng

+ Theo rà soát của các địa phương đến tháng 7/2025, toàn tỉnh có 150.418 người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, trong đó có 33.663 đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

+ Kinh phí: Mức đề xuất là 180.000 đồng/người/tháng. Kinh phí dự kiến thực hiện một năm khoảng 73 tỷ đồng/năm (khu vực Gia Lai Đông đang triển khai cho 11.331 đối tượng, kinh phí khoảng 25 tỷ đồng/năm, kinh phí bố trí thêm khoảng 48 tỷ đồng/năm).

- Thực hiện hỗ trợ cho đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội

+ Theo rà soát của các cơ sở trợ giúp xã hội, đến tháng 7/2025 toàn tỉnh có 1.125 người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

+ Kinh phí: Mức đề xuất là 90.000 đồng/người/ngày, số ngày hỗ trợ 11 ngày. Kinh phí dự kiến thực hiện một năm khoảng 1,2 tỷ đồng/năm (khu vực Gia Lai Đông đang triển khai cho 790 đối tượng, kinh phí khoảng 834 triệu đồng/năm, kinh phí bố trí thêm khoảng 366 triệu đồng/năm).

2. Thời gian trình thông qua

Dự kiến trình tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thêm cho đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Có dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản liên quan).

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VH-XH, HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, Nông nghiệp và MT;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lãnh đạo VP, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH